

**PHỤ LỤC 1**  
**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2025-2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 08/5/2026 của UBND thành phố)*

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì
<b>I. Về kinh tế</b>			
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	10-12	Thống kê thành phố
2	- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (tỉ đồng) - GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)	> 1.200.000 > 250	Thống kê thành phố
3	Cơ cấu kinh tế đến năm 2030 đạt (%) + Công nghiệp - Xây dựng + Nông lâm nghiệp, thủy sản + Thương mại - Dịch vụ + Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	60-64 5-7 25-28 5-6	Thống kê thành phố
4	Đến năm 2030, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP (%).	> 30	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tốc độ tăng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn bình quân (%)/năm.	10-12	Sở Tài chính
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm/GRDP (%).	khoảng 30-35	Thống kê thành phố
7	Số doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 (doanh nghiệp).	36.000	Sở Tài chính
<b>II. Về văn hóa, xã hội</b>			
8	Đến năm 2030: - Tuổi thọ trung bình (tuổi). - Chỉ số phát triển con người (HDI).	77,67 0,78	Thống kê thành phố
9	Đến năm 2030: - Số lao động có việc làm (triệu người). Trong đó: tỷ trọng lao động có việc làm phân theo ngành kinh tế (%). + Nông lâm nghiệp và thủy sản + Công nghiệp xây dựng + Dịch vụ	2,6 15-16 48-49 36-37	Thống kê thành phố

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì
10	Đến năm 2030 (%):		
	- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	40	Thống kê thành phố
	- Tỷ lệ thất nghiệp	< 2	Sở Nội vụ
11	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	7,5	
12	Đến năm 2030, số bác sĩ và giường bệnh/vạn dân	13-15 bác sĩ; 32 giường bệnh	Sở Y tế
13	Đến năm 2030:		
	- Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.	60	Bảo hiểm xã hội thành phố, Sở Y tế, Sở Nội vụ
	- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội (%).	50	
	- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp (%).		
14	Đến năm 2030, tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia (%).	≥ 80	Sở Giáo dục và Đào tạo
15	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030) mức giảm (điểm %/năm)	1-1,5	Sở Nông nghiệp và Môi trường
16	Đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng)	120	Thống kê thành phố
17	Đến năm 2030:		
	- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%).	92	Sở Xây dựng
	- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (%)	85	Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	Đến năm 2030:		
	- Phần đầu tỷ lệ xã trên địa bàn thành phố đạt chuẩn nông thôn mới (%)	70	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Trong đó tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (%)	ít nhất 10	
19	Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa (%).	55	Sở Xây dựng

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì
20	Giai đoạn 2025 - 2030, số căn nhà ở xã hội hoàn thành (căn).	> 65.000	
<b>III. Về tài nguyên và môi trường</b>			
21	Đến năm 2030: - Tỷ lệ che phủ rừng (%). - Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (%).	24,2 100	Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt (%).	100	Sở Y tế
23	Đến năm 2030: - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt (%): + Đối với đô thị: + Đối với nông thôn:	97 90	Sở Nông nghiệp và Môi trường
23	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%).	100	
24	Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ xử lý nước thải ở các khu đô thị (%).	50	Sở Xây dựng
<b>IV. Về quốc phòng, an ninh</b>			
25	Chỉ tiêu tuyển quân hằng năm, tổ chức giáo dục kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định (%).	100	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố
26	- Chỉ tiêu công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội (%). - Xây dựng xã, phường không có ma túy (%).	100 50	Công an thành phố